

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN – QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31 /CV-BSGQN

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 02 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã kiểm toán năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi**

- Mã chứng khoán: **BSQ**
- Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0255.6250905
- Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC đã kiểm toán năm 2022
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):  
Có  Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:  
Có  Không
  - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/01/2023 tại đường dẫn: [www.sabecoquangngai.com.vn](http://www.sabecoquangngai.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC đã kiểm toán năm 2022
- Công văn giải trình lợi nhuận số ..../ CV-BSGQN

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UOCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**

*Bùi Thị Như*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký** 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007  
**Đầu tư số** 1714445463 ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận** 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005  
**Đăng ký Doanh nghiệp số**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Koo Liang Kwee	Chủ tịch (từ ngày 8 tháng 3 năm 2022)
Ông Teo Hong Keng	Chủ tịch (đến ngày 8 tháng 3 năm 2022)
Bà Bùi Thị Nhự	Thành viên
Ông Đinh Văn Thành	Thành viên (từ ngày 8 tháng 3 năm 2022)
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên (đến ngày 8 tháng 3 năm 2022)
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Bà Bùi Thị Nhự	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,  
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam


**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

  
Thay mặt Ban Giám đốc  
Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 2 năm 2023



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 2 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00369-23-2



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 2 năm 2023

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>567.376.935.274</b>	<b>437.802.373.092</b>
Tiền	110	5	6.831.749.856	52.906.237.842
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>338.100.000.000</b>	<b>278.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	338.100.000.000	278.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.450.401.618</b>	<b>38.639.247.295</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.791.189.282	31.900.650.259
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	10.838.742.460	1.121.822.049
Phải thu ngắn hạn khác	136		7.820.469.876	5.616.774.987
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9(a)</b>	<b>190.812.906.764</b>	<b>66.834.815.803</b>
Hàng tồn kho	141		191.213.749.501	67.657.748.798
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(400.842.737)	(822.932.995)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.181.877.036</b>	<b>922.072.152</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.181.877.036	922.072.152
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.107.783.172.017</b>	<b>1.077.074.227.163</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>986.433.730.242</b>	<b>588.694.799.926</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	986.433.730.242	588.694.799.926
Nguyên giá	222		2.002.275.193.079	1.490.592.567.067
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.015.841.462.837)	(901.897.767.141)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		423.000.000	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(423.000.000)	(423.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.154.816.792</b>	<b>454.434.228.253</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.154.816.792	454.434.228.253
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	-	30.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>119.194.624.983</b>	<b>3.945.198.984</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	117.342.228.621	1.858.017.449
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		781.090.429	953.969.994
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9(b)	1.071.305.933	1.133.211.541
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.675.160.107.291</b>	<b>1.514.876.600.255</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>869.096.362.664</b>	<b>756.890.699.027</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>749.135.405.864</b>	<b>633.470.094.227</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13(a)	36.036.288.506	153.976.563.987
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		346.782.283	2.126.673.122
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	191.785.907.844	141.224.301.119
Phải trả người lao động	314		3.302.976.364	6.675.450.270
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	10.557.926.088	9.910.282.883
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	20.681.808.886	14.573.404.988
Vay ngắn hạn	320	17	475.510.565.869	293.814.235.366
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	10.913.150.024	11.169.182.492
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>119.960.956.800</b>	<b>123.420.604.800</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	13(b)	119.960.956.800	123.420.604.800
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>806.063.744.627</b>	<b>757.985.901.228</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>806.063.744.627</b>	<b>757.985.901.228</b>
Vốn cổ phần	411	20	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		319.463.494.355	271.385.650.956
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		203.685.650.956	122.493.100.844
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		115.777.843.399	148.892.550.112
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.675.160.107.291</b>	<b>1.514.876.600.255</b>

Ngày 16 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>1.936.702.967.033</b>	<b>1.193.999.879.299</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>24</b>	<b>484.172.804</b>	<b>1.847.005.638</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>1.936.218.794.229</b>	<b>1.192.152.873.661</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>1.732.446.337.711</b>	<b>1.020.071.787.404</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>203.772.456.518</b>	<b>172.081.086.257</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	28.265.529.725	30.091.499.609
Chi phí tài chính	22	27	16.927.032.621	11.335.396.391
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		16.509.342.575	10.815.408.815
Chi phí bán hàng	25	28	7.777.132.490	8.522.981.446
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	14.573.458.859	12.238.419.099
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>192.760.362.273</b>	<b>170.075.788.930</b>
Thu nhập khác	31		3.097.020.280	4.215.446.991
Chi phí khác	32		3.346.714.557	2.709.877.673
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(249.694.277)</b>	<b>1.505.569.318</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>192.510.667.996</b>	<b>171.581.358.248</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>21.701.386.255</b>	<b>13.355.267.791</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>31</b>	<b>172.879.565</b>	<b>(144.459.655)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>170.636.402.176</b>	<b>158.370.550.112</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.573	3.313

Ngày 16 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



  
Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>192.510.667.996</b>	<b>171.581.358.248</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		114.801.606.918	94.956.573.487
Các khoản dự phòng	03		(1.440.597.080)	1.879.049.556
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.482.224.462)	(15.880.960.328)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(15.315.052.471)	(13.519.778.352)
Chi phí lãi vay	06		16.509.342.575	10.815.408.815
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>303.583.743.476</b>	<b>249.831.651.426</b>
Biến động các khoản phải thu	09		9.860.416.371	14.748.331.802
Biến động hàng tồn kho	10		(122.475.588.273)	8.734.080.768
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		36.330.658.142	22.382.871.995
Biến động chi phí trả trước	12		693.659.575	3.030.199.135
			<b>227.992.889.291</b>	<b>298.727.135.126</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.713.680.894)	(9.731.155.177)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.284.899.569)	(11.898.153.876)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		11.920.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.926.511.245)	(7.828.267.288)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>195.079.717.583</b>	<b>269.269.558.785</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(299.756.546.984)	(174.501.241.202)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		30.000.000	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(734.000.175.342)	(327.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		704.400.175.342	245.400.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		12.774.885.887	12.048.582.190
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(316.551.661.097)</b>	<b>(244.052.659.012)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		1.380.897.592.746	1.128.055.038.622
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.199.201.262.243)	(1.050.420.210.492)
Tiền chi trả cổ tức	36		(106.324.898.000)	(66.319.773.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>75.371.432.503</b>	<b>11.315.055.130</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(46.100.511.011)</b>	<b>36.531.954.903</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>52.906.237.842</b>	<b>16.400.170.485</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>26.023.025</b>	<b>(25.887.546)</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>6.831.749.856</b>	<b>52.906.237.842</b>

Ngày 16 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 210 nhân viên (1/1/2022: 196 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Giá định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 181.758 triệu VND (1/1/2022: 195.668 triệu VND). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 34.489 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 41 năm.

***(ii) Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### ***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

#### **(l) Vốn cổ phần**

##### ***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(n) Doanh thu và thu nhập khác**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

**5. Tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	44.721.703	129.562.498
Tiền gửi ngân hàng	6.787.028.153	52.776.675.344
	<hr/>	<hr/>
	6.831.749.856	52.906.237.842
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,2% đến 8,8% một năm (1/1/2022: từ 4,9% đến 5,4% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị là 30.000 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng cho các khoản trả chậm cho người bán (Thuyết minh 13(b)) (1/1/2022: 30.500 triệu VND để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17) và 96.000 triệu VND để đảm bảo cho các khoản trả chậm cho người bán (Thuyết minh 13(b)).

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Công ty đã thu hồi đầy đủ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (1/1/2022: 30.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản trả chậm cho người bán (Thuyết minh 13(b)).

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.436.774.160	22.639.469.383
International Consolidated Business Pty Ltd	3.011.309.568	8.090.809.650
Các khách hàng khác	1.343.105.554	1.170.371.226
	11.791.189.282	31.900.650.259

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị là 11.791 triệu VND (1/1/2022: 31.901 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

301  
CH  
ÔN  
K  
PH

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.436.774.160	22.639.469.383
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	108.690.930	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Thịnh Đức	9.306.403.600	-
Các nhà cung cấp khác	1.532.338.860	1.121.822.049
	<hr/>	<hr/>
	10.838.742.460	1.121.822.049

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm 51 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2022: 885 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho****(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	214.850.000	-
Nguyên vật liệu	91.906.905.947	-	18.758.357.016	-
Công cụ và dụng cụ	6.331.681.744	(400.842.737)	6.303.324.790	(822.932.995)
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	41.524.973.783	-	21.216.807.533	-
Thành phẩm	51.215.224.339	-	21.158.448.559	-
Hàng hóa	234.963.688	-	5.960.900	-
	<u>191.213.749.501</u>	<u>(400.842.737)</u>	<u>67.657.748.798</u>	<u>(822.932.995)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 190.812 triệu VND (1/1/2022: 66.835 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	822.932.995	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	822.932.995
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(422.090.258)	-
Số dư cuối năm	<u>400.842.737</u>	<u>822.932.995</u>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	11.847.288.125	(10.775.982.192)	12.927.700.555	(11.794.489.014)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	11.794.489.014	10.738.372.453
Dự phòng trích lập trong năm	1.164.628.629	1.843.982.209
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.183.135.451)	(787.865.648)
Số dư cuối năm	10.775.982.192	11.794.489.014



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	270.188.891.993	1.210.451.647.897	8.677.574.119	729.553.005	544.900.053	1.490.592.567.067
Tăng trong năm	-	2.980.544.960	1.000.000.000	531.568.909	-	4.512.113.869
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	65.377.916.696	441.949.777.265	-	-	-	507.327.693.961
Thanh lý	-	-	(157.181.818)	-	-	(157.181.818)
Số dư cuối năm	335.566.808.689	1.655.381.970.122	9.520.392.301	1.261.121.914	544.900.053	2.002.275.193.079
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	113.439.674.090	779.269.790.835	8.195.749.802	602.307.550	390.244.864	901.897.767.141
Khấu hao trong năm	13.405.677.083	100.074.022.974	477.727.935	112.518.485	30.931.037	114.100.877.514
Thanh lý	-	-	(157.181.818)	-	-	(157.181.818)
Số dư cuối năm	126.845.351.173	879.343.813.809	8.516.295.919	714.826.035	421.175.901	1.015.841.462.837
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	156.749.217.903	431.181.857.062	481.824.317	127.245.455	154.655.189	588.694.799.926
Số dư cuối năm	208.721.457.516	776.038.156.313	1.004.096.382	546.295.879	123.724.152	986.433.730.242

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 20.019 triệu VND (1/1/2022: 16.196 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 34.872 triệu VND (1/1/2022: 14.101 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	454.434.228.253	2.216.320.512
Tăng trong năm	59.319.374.786	454.242.295.874
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(507.327.693.961)	(2.024.388.133)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.271.092.286)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.154.816.792	454.434.228.253

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 584 triệu VND (2021: 3.766 triệu VND).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc của dự án 06 Nguyễn Thụy	2.154.816.792	-
Dự án mở rộng sản xuất	-	454.205.653.793
Các công trình khác	-	228.574.460
	<hr/>	<hr/>
	2.154.816.792	454.434.228.253

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Công cụ</b> <b>và dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí lãi vay</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	-	151.825.444	1.706.192.005	1.858.017.449
Tăng trong năm	114.049.287.000	-	-	114.049.287.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	169.605.734	335.054.545	3.766.432.007	4.271.092.286
Phân bổ trong năm	(700.729.404)	(550.282.257)	(1.585.156.453)	(2.836.168.114)
Phân loại lại	-	427.000.000	(427.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	113.518.163.330	363.597.732	3.460.467.559	117.342.228.621

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán ngắn hạn****(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	10.209.500.000	45.734.740.721
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	5.277.631.970	4.093.754.709
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	4.477.245.443	-
Krones AG (*)	-	91.446.136.000
Các nhà cung cấp khác	16.071.911.093	12.701.932.557
	<hr/>	<hr/>
	36.036.288.506	153.976.563.987

(\*) Khoản phải trả ngắn hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 13(b).

**(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	4.477.245.443	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	104.957.932	111.617.371
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	118.156.500
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	78.650.992	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán dài hạn**

**Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>

Krones AG	119.960.956.800	123.420.604.800
-----------	-----------------	-----------------

- (\*) Phải trả ngắn hạn và dài hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND (Thuyết minh 6(a)) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 96.000 triệu VND (Thuyết minh 6(a)) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND (Thuyết minh 6(b))).

Tổng chi phí lãi trả chậm đối với khoản phải trả dài hạn cho Krones AG đến ngày thanh toán là 3.766 triệu VND (1/1/2022: 5.473 triệu VND). Phải trả người bán dài hạn sẽ được thanh toán vào năm 2024.

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2022</b>	<b>Số phát sinh trong năm</b>	<b>Số đã nộp/cán trừ trong năm</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	123.246.123.181	1.806.442.045.563	(1.772.652.449.183)	157.035.719.561
Thuế giá trị gia tăng	13.258.065.432	364.675.309.609	(361.392.345.188)	16.541.029.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.395.816.872	21.701.386.255	(8.284.899.569)	17.812.303.558
Thuế thu nhập cá nhân	324.295.634	3.066.356.593	(2.993.797.355)	396.854.872
Phí đất	-	114.049.287.000	(114.049.287.000)	-
Các loại thuế khác	-	70.053.200	(70.053.200)	-
	<b>141.224.301.119</b>	<b>2.310.004.438.220</b>	<b>(2.259.442.831.495)</b>	<b>191.785.907.844</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	9.561.618.517	8.892.371.925
Thù lao Hội đồng Quản trị	46.000.000	46.000.000
Chi phí khác	950.307.571	971.910.958
	<b>10.557.926.088</b>	<b>9.910.282.883</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	16.539.220.500	10.364.118.500
Phải trả khác	4.142.588.386	4.209.286.488
	<hr/>	<hr/>
	20.681.808.886	14.573.404.988
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Vay ngắn hạn**

	1/1/2022		Biến động trong năm		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	293.814.235.366	1.380.897.592.746	(1.199.201.262.243)	475.510.565.869		

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng Bangkok Đại chúng trách nhiệm hữu hạn (i)	VND	8%	155.749.287.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND	6,5% - 7,3%	119.961.278.869	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (iii)	VND	6,7% - 8%	199.800.000.000	194.291.999.211
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (iv)	VND	4,5%	-	99.522.236.155
			<u>475.510.565.869</u>	<u>293.814.235.366</u>

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 190.000 triệu VND và được đảm bảo bởi công ty mẹ.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 120.000 triệu VND và được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 190.812 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 10.611 triệu VND) (Thuyết minh 9(a)) và bằng phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 11.791 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 31.901 triệu VND) (Thuyết minh 7(a)).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 200.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu cơ giá trị còn lại là 34.872 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 56.224 triệu VND (Thuyết minh 9(a)) và bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.101 triệu VND (Thuyết minh 10)).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và đã hết hiệu trong năm (1/1/2022: được đảm bảo bằng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 30.500 triệu VND (Thuyết minh 6(a)).

## 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	11.169.182.492	8.665.859.293
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	1.053.590.487
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	9.658.558.777	9.278.000.000
Tiền thu khác	11.920.000	-
Sử dụng trong năm	(9.926.511.245)	(7.828.267.288)
Số dư cuối năm	10.913.150.024	11.169.182.492

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	191.046.691.331	677.646.941.603
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	158.370.550.112	158.370.550.112
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(1.053.590.487)	(1.053.590.487)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(9.278.000.000)	(9.278.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Có tức (Thuyết minh 21)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	271.385.650.956	757.985.901.228
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	170.636.402.176	170.636.402.176
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(9.658.558.777)	(9.658.558.777)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Có tức (Thuyết minh 21)	-	-	(112.500.000.000)	(112.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	319.463.494.355	806.063.744.627



## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### 21. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 8 tháng 3 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức năm 2021 cho các cổ đông là 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Số 10/2022/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 11 năm 2022 đã phê duyệt tạm ứng cổ tức tạm ứng cho các cổ đông là 45.000 triệu VND, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu (2021: 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020).

### 22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.408.321.286	2.202.820.654
Từ hai đến năm năm	13.633.285.144	8.271.282.615
Sau năm năm	68.922.792.909	43.883.119.956
	<hr/>	<hr/>
	85.964.399.339	54.357.223.225
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Trương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Trương đương VND</b>
USD	336	7.837.981	183.990	4.169.304.635
EUR	-	-	33	833.118
		<hr/>		<hr/>
		7.837.981		4.170.137.753
		<hr/>		<hr/>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.534.240.741	52.025.560.163
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.922.159.524.735	1.185.389.280.651
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<u>3.728.590.020.873</u>	<u>2.217.467.817.418</u>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<u>1.806.430.496.138</u>	<u>1.032.078.536.767</u>
▪ Bán phế liệu	14.543.442.298	8.610.598.648
	<hr/> 1.936.702.967.033	<hr/> 1.193.999.879.299
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	484.172.804	1.847.005.638
	<hr/> 1.936.218.794.229	<hr/> 1.192.152.873.661

**25. Giá vốn hàng bán**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.733.886.934.791	1.018.192.737.848
▪ (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	(1.440.597.080)	1.879.049.556
	<hr/> 1.732.446.337.711	<hr/> 1.020.071.787.404

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	15.285.052.471	13.519.778.352
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.498.252.792	690.760.929
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.482.224.462	15.880.960.328
	<hr/> 28.265.529.725	<hr/> 30.091.499.609

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	16.509.342.575	10.815.408.815
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	417.690.046	519.987.576
	<hr/>	<hr/>
	16.927.032.621	11.335.396.391
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.237.970.912	6.140.480.780
Chi phí nhân viên	2.138.025.286	1.912.163.236
Chi phí bán hàng khác	401.136.292	470.337.430
	<hr/>	<hr/>
	7.777.132.490	8.522.981.446
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.276.907.344	7.923.096.200
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.058.283.016	973.352.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.133.049.855	659.324.490
Chi phí quản lý khác	4.105.218.644	2.682.645.478
	<hr/>	<hr/>
	14.573.458.859	12.238.419.099
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.618.872.498.149	877.333.772.333
Chi phí khấu hao và phân bổ	114.100.877.514	94.956.573.487
Chi phí nhân viên	47.207.963.451	45.881.771.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.922.596.573	14.338.506.626
Chi phí khác	5.057.935.403	7.966.143.851

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	21.696.537.436	13.135.799.784
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.848.819	219.468.007
	<b>21.701.386.255</b>	<b>13.355.267.791</b>
<b>(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	172.879.565	(144.459.655)
	<b>21.874.265.820</b>	<b>13.210.808.136</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	192.510.667.996	171.581.358.248
Thuế theo thuế suất của Công ty	28.876.600.199	25.737.203.737
Chi phí không được khấu trừ thuế	166.342.675	519.370.771
Ưu đãi thuế	(10.165.030.006)	(13.265.234.379)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.848.819	219.468.007
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng	2.991.504.133	-
	<b>21.874.265.820</b>	<b>13.210.808.136</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b. Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022) đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng và thu nhập khác.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	170.636.402.176	158.370.550.112
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.658.558.777)	(9.278.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	(200.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	160.777.843.399	149.092.550.112

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	3.622.427.943.974	2.104.334.440.867
Mua nguyên vật liệu	1.447.186.631.843	700.565.966.296
Cổ tức	74.875.000.000	44.925.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây</b>		
Cổ tức	2.916.667.500	1.750.000.500
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung</b>		
Mua hàng hóa	1.279.338.770	838.065.110
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí sử dụng vỏ chai	190.835.894	183.399.337
Mua công cụ và dụng cụ	507.936.523	1.549.855.576
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b>		
Mua nguyên vật liệu	272.800.000	105.724.000
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hoá	144.652.000	105.724.000
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hoá	202.818.047	119.306.510
<b>Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	207.717.800	37.000.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koo Liang Kwee – Chủ tịch (từ ngày 8 tháng 3 năm 2022)	100.000.000	-
Ông Teo Hong Keng – Chủ tịch (đến ngày 8 tháng 3 năm 2022)	49.753.922	120.000.000
Bà Bùi Thị Nhự – Thành viên	97.885.163	84.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	97.885.163	84.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	97.885.163	84.000.000
Ông Đinh Văn Thành – Thành viên (từ ngày 8 tháng 3 năm 2022)	70.000.000	-
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên (đến ngày 8 tháng 3 năm 2022)	27.885.163	84.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và thù lao	3.843.228.565	3.274.552.200
<b>Ban kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Trưởng Ban	383.963.362	383.345.400
Ông Nguyễn Văn Hòa – Thành viên	57.917.974	48.000.000
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên	57.917.974	48.000.000

**34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	2022	2021
	VND	VND
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	135.886.787.101	262.112.914.919

**35. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 16 tháng 2 năm 2023

Người lập:

  
Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Bùi Thị Nhự  
Giám đốc

